

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

Môn kiểm tra: Lịch sử và Địa lí 7
Ngày kiểm tra: 29 tháng 12 năm 2025
Thời gian làm bài: 60 phút
(Không kể thời gian phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN: (3,0 điểm)

Câu 1: Tôn giáo nào được coi là hệ tư tưởng thống trị trong đời sống chính trị, xã hội phong kiến Trung Quốc?

- A. Phật giáo. C. Hồi giáo.
B. Nho giáo. D. Thiên chúa giáo.

Câu 2: Một trong những công trình kiến trúc đồ sộ của Trung Quốc thời phong kiến là gì?

- A. Thập Tự Thánh. C. Chùa Một Cột.
B. Đền Đô-rô-bu-đua. D. Tử Cấm Thành.

Câu 3: Ngành kinh tế nào giữ vai trò quan trọng nhất dưới thời vương triều Hồi giáo Đê-li?

- A. Thương nghiệp. C. Thủ công nghiệp.
B. Nông nghiệp. D. Công nghiệp.

Câu 4: Những mặt hàng nổi tiếng của thương nhân Ấn Độ thời Đê-li là gì?

- A. Gôm, sứ. C. Ngựa chiến, voi chiến.
B. Dầu thơm, trang phục. D. Vải vóc và gia vị.

Câu 5: Vương quốc phong kiến nào được hình thành trên lãnh thổ Lào ngày nay?

- A. Vương quốc Pa-gan. C. Vương quốc Ăng-co.
B. Vương quốc Lan Xang. D. Vương quốc Cham-pa.

Câu 6: Cư dân Đông Nam Á đã dựa trên cơ sở những loại chữ viết nào để sáng tạo ra chữ viết riêng cho mình?

- A. Chữ Nôm và chữ Hán. C. Chữ Thái và chữ Phạn.
B. Chữ Nôm và chữ Phạn. D. Chữ Phạn và chữ Hán.

Câu 7: Năm 2020, châu Á (không tính Liên bang Nga) có mật độ dân số là bao nhiêu?

- A. 143 người/km². C. 149 người/km².
B. 147 người/km². D. 150 người/km².

Câu 8: Phật giáo ra đời ở quốc gia nào của châu Á?

- A. Ấn Độ. C. Thái Lan.
B. Trung Quốc. D. Lào.

Câu 9: Số quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc châu Á (2020) là bao nhiêu?

- A. 49. B. 50. C. 51. D. 52.

Câu 10: Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước châu Á như thế nào?

- A. Chủ yếu là các nước phát triển. C. Có trình độ phát triển rất khác nhau.
B. Chủ yếu là các nước đang phát triển. D. Chủ yếu là công nghiệp hiện đại.

Câu 11: Châu Phi có độ cao trung bình bao nhiêu so với mực nước biển?

- A. 750 m. C. 650 m.
B. 700 m. D. 600 m.

Câu 12: Châu Phi có khí hậu nóng là do đâu?

- A. Đại bộ phận lãnh thổ nằm ngoài đường chí tuyến.
B. Đại bộ phận lãnh thổ nằm giữa hai đường chí tuyến.
C. Có nhiều hoang mạc.
D. Ảnh hưởng của dòng biển nóng chảy ven bờ.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI: (2,0 điểm)

Câu 13: “Thành phố Ma-lắc-ca được xây dựng trên hai bờ, gần cửa sông Ma-lắc-ca. Một chiếc cầu gỗ có mái che nối liền hai bên thành phố. Cảnh chợ có 4 cảng vụ, trông nom về việc làm thủ tục, đóng thuế, bốc dỡ và chuyển hàng hóa, chuyên cho mỗi loại thương nhân khác nhau,... Cảnh sát và người kiểm tra thị trường thường xuyên đi lại, coi sóc, giữ gìn trật tự.”

(Nguồn: Lương Ninh, Lịch sử thế giới trung đại, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, trang 228)

Từ đoạn trích trên, em hãy nhận định các ý sau đây đúng hay sai.

- A. Ma-lắc-ca là một vương quốc phát triển thịnh vượng ở Đông Nam Á.
- B. Đây là quốc gia có nền kinh tế nông nghiệp trù phú và mạnh về thương mại biển.
- C. Thành phố Ma-lắc-ca được xây dựng trên sườn núi nên có vị trí chiến lược quan trọng.
- D. Ở thành phố Ma-lắc-ca người ta có thể mua mọi hàng hóa và là một chốn đô hội phồn hoa bậc nhất thế giới vào thế kỉ XV.

Câu 14:

Bảng 6.2. Số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á
(Không tính số dân của Liên bang Nga), giai đoạn 2005 – 2020

Năm	2005	2010	2015	2020
Số dân (tỉ người)	3,98	4,21	4,43	4,64
Tỉ lệ dân thành thị (%)	41,0	44,6	47,8	50,9

(Nguồn: Lịch sử và Địa lí 7, Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022, trang 119)

Dựa vào bảng số liệu, em hãy nhận định các ý sau đây đúng hay sai.

- A. Năm 2020, số dân của châu Á là 4,64 tỉ người.
- B. Số dân châu Á chiếm gần 60% số dân thế giới.
- C. Năm 2020, châu Á có 50,9% số dân sống trong các đô thị.
- D. Châu Á có tốc độ đô thị hóa chậm.

III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN: (2,0 điểm)

Câu 15: Phát biểu sau đây là đúng hay sai? Nếu sai, em hãy sửa lại cho đúng.

“Vương triều Mô-gôn đã truyền bá, áp đặt đạo Hồi vào Ấn Độ.”

Câu 16: Em hãy trả lời câu hỏi sau đây bằng một cụm từ gồm 3 chữ.

Hội họa của Trung Quốc thời phong kiến đạt đến trình độ cao với phong cách độc đáo, trong đó nổi tiếng nhất là thể loại tranh nào?

Câu 17: Dựa vào bảng số liệu dưới đây, em hãy cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á có xu hướng thay đổi như thế nào?

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á, giai đoạn 2005 – 2020

Năm	2005	2010	2015	2020
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên (%)	1,19	1,10	1,00	0,86

(Nguồn: Bài tập Lịch sử và Địa lí 7 (Phần Địa lí), Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022, trang 31)

Câu 18: Phát biểu sau đây là đúng hay sai? Nếu sai, em hãy sửa lại cho đúng.

“Phần lãnh thổ châu Á của Liên bang Nga thuộc khu vực Đông Á.”

B. PHẦN TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm)

Em hãy giới thiệu một số thành tựu tiêu biểu về kiến trúc của Trung Quốc thời phong kiến và nêu nhận xét của em về những thành tựu đó.

Câu 2: (1,5 điểm)

Dựa vào kiến thức đã học, em hãy:

- a) Cho biết vì sao các đô thị lớn của châu Á thường tập trung tại khu vực ven biển.
- b) Nhận xét cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á trong giai đoạn 2005 – 2020.

Hết

(Học sinh nộp lại đề sau khi hết thời gian làm bài)

Họ tên học sinh:

Số báo danh: Phòng: Lớp:

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN: (3,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
B	D	B	D	B	D
Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
D	A	A	C	A	B

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI: (2,0 điểm) Mỗi ý đúng 0,25 điểm.

Câu	A	B	C	D
13	Đúng	Sai	Sai	Đúng
14	Đúng	Đúng	Đúng	Sai

III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN: (2,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,5 điểm.

Câu	Nội dung
15	- Trả lời: Sai. - Sửa lại: Vương triều Đê-li đã truyền bá, áp đặt đạo Hồi vào Ấn Độ.
16	- Tranh thủy mặc.
17	- Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á đang có xu hướng giảm.
18	- Trả lời: Sai. - Sửa lại: Phần lãnh thổ châu Á của Liên bang Nga thuộc khu vực Bắc Á.

B. PHẦN TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,5 điểm)	<i>HS giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về kiến trúc của Trung Quốc thời phong kiến:</i> - Tử Cấm Thành, Thập Tam Lăng, chùa Thiên Ninh,...	0,5đ
	<i>HS nêu được nhận xét về những thành tựu đó:</i> - Đạt đến trình độ cao với phong cách độc đáo. - Đa dạng về loại hình: kiến trúc cung điện, kiến trúc tôn giáo, kiến trúc lăng tẩm. - Chú trọng chiều rộng hơn chiều cao. - Nhiều kiến trúc rất hoành tráng.	1,0đ
2 (1,5 điểm)	<i>a) HS trả lời được các đô thị lớn của châu Á thường tập trung tại khu vực ven biển vì:</i> Nơi có nhiều điều kiện thuận lợi cho đời sống và sản xuất, trao đổi, buôn bán với các nước.	0,5đ
	<i>b) HS nhận xét cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á trong giai đoạn 2005 – 2020:</i> - Nhóm từ 0 đến 14 tuổi giảm liên tục về tỉ trọng. - Nhóm từ 15 đến 64 tuổi chiếm tỉ trọng cao nhất nhưng có sự biến động. - Nhóm từ 65 tuổi trở lên tăng liên tục về tỉ trọng. → Châu Á có cơ cấu dân số trẻ.	1,0đ

Hết



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ NĂM HỌC 2025 – 2026
KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7
Thời gian làm bài: 60 phút

TT	Chủ đề /Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận									
			Nhiều lựa chọn ⁽¹⁾			Đúng – sai ⁽²⁾			Trả lời ngắn ⁽³⁾									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	TRUNG QUỐC TỪ THẾ KÌ VII ĐẾN GIỮA THẾ KÌ XIX	Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.	2	-	-	-	-	-	-	1	-	-	0,5	0,5	2	1,5	0,5	25%
2	ẤN ĐỘ TỪ THẾ KÌ IV ĐẾN GIỮA THẾ KÌ XIX	Vương triều Hồi giáo Đê-li.	2	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	3	-	-	10%
3	ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KÌ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KÌ XVI	Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.	2	-	-	-	0,5	0,5	-	-	-	-	-	-	2	0,5	0,5	15%
4	CHÂU Á	- Đặc điểm dân cư, xã hội. - Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á.	4	-	-	-	0,5	0,5	1	1	-	-	0,5	0,5	5	2	1	45%
5	CHÂU PHI	- Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi. - Đặc điểm tự nhiên.	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	5%
Tổng số câu			12	-	-	-	1	1	2	2	-	-	1	1	14	4	2	20
Tổng số điểm			3,0 ⁽⁵⁾			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100%

(1) Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu xếp loại câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có nhiều phương án đúng*.

(2), (3) Đối với môn học không sử dụng dạng này thì chuyển toàn bộ số điểm cho dạng “Đúng – Sai” hoặc “Nhiều lựa chọn” (Xóa các cột nếu không dùng đến và giãn cột “Nội dung/Đơn vị kiến thức”)

(4) Có ở trong một số ô của ma trận, thể hiện số câu hỏi hoặc câu hỏi số bao nhiêu.

(5) Lựa chọn sao cho được khoảng 3,0 điểm, tương ứng với tỉ lệ khoảng 30%; tương tự như thế đối với các dạng khác.

TT	Chủ đề /Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá									Tự luận		
				TNKQ						Trả lời ngắn					
				Nhiều lựa chọn			Đúng – sai						Biết	Hiểu	Vận dụng
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.	<p>Nhận Biết: - Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.</p> <p>Thông hiểu: - Mô tả được sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh. - Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...).</p> <p>Vận dụng: - Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...).</p>	2 (NT)							1 (TH)			0,5 (TH)	0,5 (VD)
2	ÁN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	Vương triều Hồi giáo Đê-li.	<p>Nhận Biết: - Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ. - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Đê-li.</p>	2 (NT)							1 (NT)				
3	ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.	<p>Nhận Biết: - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.</p> <p>Thông hiểu:</p>	2 (NT)				0,5 (TH)	0,5 (VD)						

			<p>- Giới thiệu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Nhận xét được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.</p>												
4	CHÂU Á	<p>- Đặc điểm dân cư, xã hội.</p> <p>- Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á.</p>	<p>Nhận Biết:</p> <p>- Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.</p> <p>- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Phân tích được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Phân tích được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.</p>	4 (NT)				0,5 (TH)	0,5 (VD)	1 (NT)	1 (TH)			0,5 (TH)	0,5 (VD)
5	CHÂU PHI	<p>- Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi.</p> <p>- Đặc điểm tự nhiên.</p>	<p>Nhận Biết:</p> <p>- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.</p>	2 (NT)											
Tổng số câu				12				1	1	2	2			1	1
Tổng số điểm					3,0			2,0		2,0				3,0	
Tỉ lệ %					30			20		20				30	

(6) Có trong một số ô của bản đặc tả, ghi tắt tên của năng lực (đã được quy định trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục).

			- Giới thiệu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. Vận dụng: - Nhận xét được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.												
4	CHÂU Á	- Đặc điểm dân cư, xã hội. - Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á.	Nhận Biết: - Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn. - Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. Thông hiểu: - Phân tích được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn. Vận dụng: - Phân tích được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.	4 (NT)				0,5 (TH)	0,5 (VD)	1 (NT)	1 (TH)			0,5 (TH)	0,5 (VD)
5	CHÂU PHI	- Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi. - Đặc điểm tự nhiên.	Nhận Biết: - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.	2 (NT)											
Tổng số câu				12				1	1	2	2			1	1
Tổng số điểm						3,0		2,0			2,0			3,0	
Tỉ lệ %						30		20			20			30	

(6) Có trong một số ô của bản đặc tả, ghi tắt tên của năng lực (đã được quy định trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục).

UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN QUANG KHẢI <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; display: inline-block;"> ĐỀ CHÍNH THỨC </div> <i>(Đề kiểm tra gồm 04 trang)</i>	KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 NĂM HỌC 2025 - 2026 Môn kiểm tra: Tiếng Anh 7 Ngày kiểm tra: 29 tháng 12 năm 2025 Thời gian làm bài: 60 phút <i>(Không kể thời gian phát đề)</i>
--	---

Họ và tên thí sinh: _____ Lớp: 7A _____ SBD: _____ Phòng: _____	Chữ ký giám thị 1 	Chữ ký giám thị 2 	SỐ CỦA MỖI BÀI Từ 1 đến 32 do Giám thị ghi SỐ PHÁCH do CT HD chấm thi ghi
---	---------------------------	---------------------------	--

Nhận xét	Điểm (bằng số và bằng chữ)	Chữ ký giám khảo 1	Chữ ký giám khảo 2	SỐ PHÁCH do CT HD chấm thi ghi SỐ CỦA MỖI BÀI Từ 1 đến 32 do Giám thị ghi
----------	----------------------------	--------------------	--------------------	--

Điểm phần I	Điểm phần II	Điểm phần III	Điểm phần IV	Điểm phần V	Điểm phần VI	Điểm phần VII	Điểm tổng

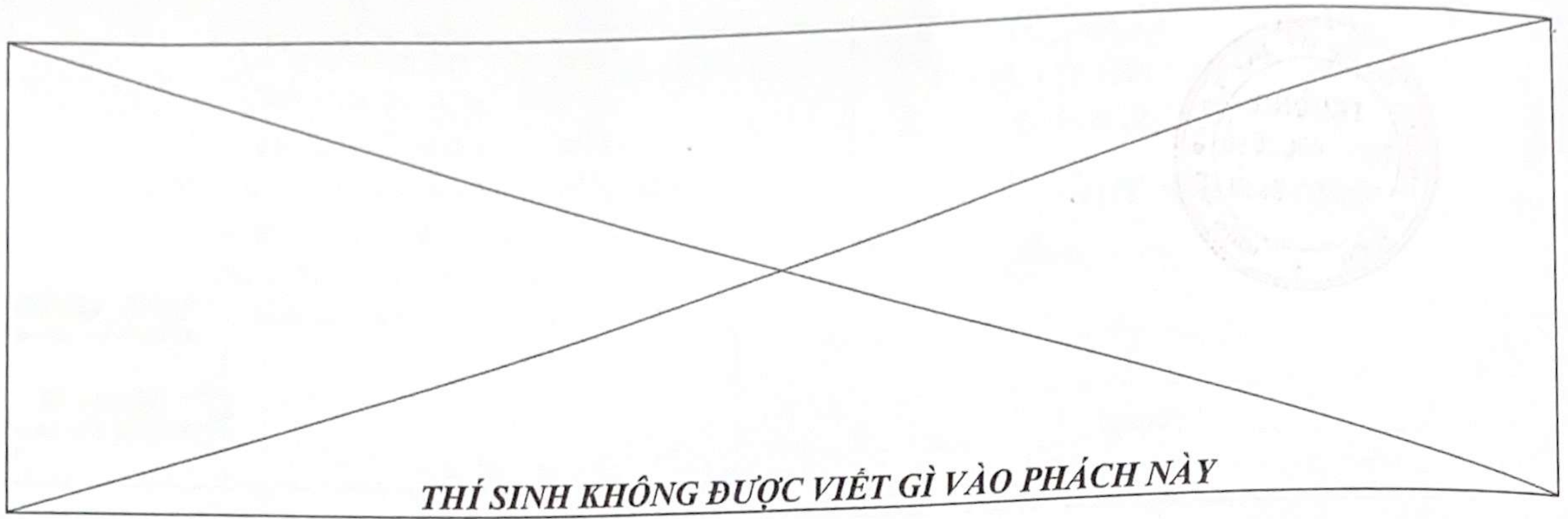
LƯU Ý QUAN TRỌNG: Đề thi gồm 04 trang. Thí sinh làm bài ngay trên đề thi này. Thí sinh phải làm đúng theo hướng dẫn cách ghi câu trả lời ở mỗi phần. Bài làm chỉ được chấm ở các phần **ANSWERS**. Mọi cách ghi khác đều không được chấm điểm.

I. Choose the word / phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence. (3,5 pts)

Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS.

1. Which word has the **underlined** part pronounced differently from that of the others?
 A. gets B. stays C. thinks D. skates
2. Which word has the **underlined** part pronounced differently from that of the others?
 A. bake B. bag C. raise D. make
3. Which word has a **different stress pattern** from that of the others?
 A. habit B. soccer C. comic D. donation
4. Which word has a **different stress pattern** from that of the others?
 A. survey B. classmate C. lifestyle D. asleep
5. You shouldn't eat too much _____ because it is not good for your health.
 A. fruit B. soda C. fast food D. fresh food
6. Jolie enjoys _____ about the nature. He carries his camera everywhere.
 A. baking cakes B. reading books C. dooing homework D. making vlogs
7. Is there a painting exhibition in my town _____ November?
 A. on B. for C. in D. of
8. My friends _____ for their exam tomorrow.
 A. is reviewing B. studies C. are reviewing D. study
9. Next week, my sister is going to visit _____ grandmother.
 A. his B. her C. your D. their
10. Our class enjoyed lots of ride at the _____.
 A. fair B. theater C. water park D. ice rink
11. I think the cafeteria _____ sell things like fruit juice and salad.
 A. ought not to B. can C. should D. will

ANSWERS
1.
2.
3.
4.
5.
6.
7.
8.
9.
10.
11.



THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY

12. The park _____ is the school and the mall.
 A. to B. from C. at D. between

13. Mrs. Loan: This box is so heavy.

Han: _____

- A. I'm glad you like it. B. How can I help you?
 C. That's a good idea. D. What do you do?

14. Tony: _____

Anna: I like rock music.

- A. What about you? B. What do you like?
 C. What kind of music do you like? D. What's going on with you?

12.
13.
14.

II. Look at the signs. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16. (0,5 pt)
Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS.

15. The sign (a) means:

- A. Slow down
 B. You mustn't climb here.
 C. Wires may cause electric shock.
 D. Please watch your children.



Sign (a)

16. The sign (b) means:

- A. You should take one tablet per day after you eat.
 B. You shouldn't take tablets after you finish your meal.
 C. You should drink two tablets after every meal.
 D. You should take one table after eating, twice a day.



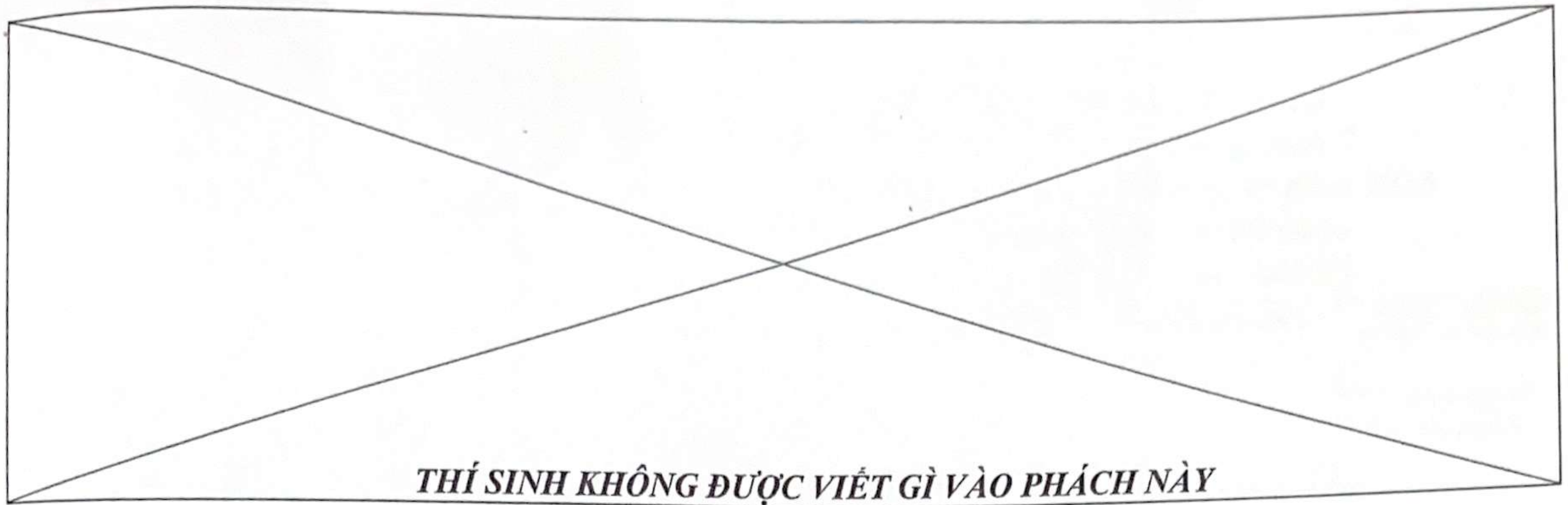
Sign (b)

ANSWERS
15.
16.

III. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage. (1,5 pts)
Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS.

I build (17)_____ in my free time. I have fifteen models. Some of them were gifts from friends and family, but I bought most (18)_____ them. I mostly build planes and cars, (19)_____ I have a few ship models, too. My favorite one is MGA car model. The real MGA was a cool sports car from England. I think it's very cute. I often spend about one or two hours a day building (20)_____ models. Sometimes my sister, Alice, does it with me and films us building models for her vlogs. She (21)_____ vlogs every week and it helps her (22)_____ new friends.

What about you? What do you do in your free time? Leave a comment and tell me.



THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY

17. A. stickers B. models C. cakes D. comics
 18. A. in B. on C. of D. at
 19. A. but B. however C. because D. so
 20. A. his B. my C. her D. our
 21. A. does B. bakes C. plays D. makes
 22. A. to help B. helps C. help D. helping

ANSWERS
17.
18.
19.
20.
21.
22.

IV. Read the following passage. Decide if the statements from 23 to 26 are True or False, and choose the correct answers (A, B, C or D) for questions 27 and 28. (1,5 pts)

The Dark Knight is a superhero movie set in Gotham City. The star is a superhero called Batman. He fights crime in Gotham.

Batman dresses like a black bat and drives a cool car to fight crime. In this movie, he fights against the Joker. The Joker does a lot of terrible crimes. Batman tries to help his friends and catch the Joker.

The acting is really good, it has a lot of exciting action, and the story is really **dramatic**.

Overall, I think this movie is great. If you like superhero movies, then you will love it.

A. Choose True or False.

Thí sinh phải viết đầy đủ True hoặc False vào phần ANSWERS.

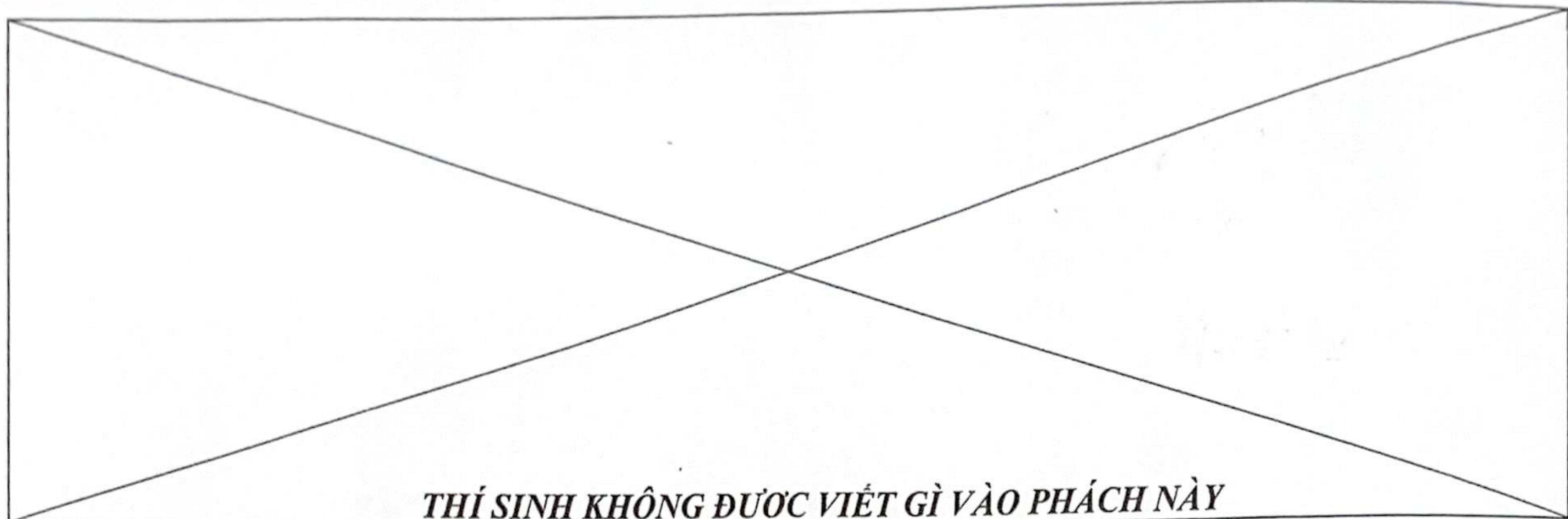
23. The movie The Dark Knight takes place in Gotham City.
 24. Batman dresses like a white bird to fight crime.
 25. Batman drives a cool bus in the movie.
 26. The story of the movie is boring and has no action.

B. Choose the most suitable item.

Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS.

27. What does the word “**dramatic**” mean?
 A. sad B. unhealthy C. exciting D. boring
28. What can be the best title for the text?
 A. Batman's Life B. The History of Gotham
 C. How to catch the Joker D. A Review of The Dark Knight

ANSWERS
23.
24.
25.
26.
27.
28.



THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY

V. Use the correct form of the word given in each sentence. (1,5 pts)

Thí sinh viết từ cần điền vào phần ANSWERS.

29. Why don't we _____ some seashells on the beach? (collection)
30. _____, the Ao dai is worn on special occasions. (tradition)
31. Jane needs to see a dentist about her _____. (tooth)
32. The movie was so _____ that we couldn't take our eyes off the screen. (interest)
33. Do you have any _____ instruments at home? (music)
34. You need to pay 50 dollars to hire the _____ equipment for rock climbing. (safe)

ANSWERS 29. _____ 30. _____ 31. _____
32. _____ 33. _____ 34. _____

VI. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences. (0,5 pt)

35. brother / soccer / has a / My / collection of / stickers / . /

36. You / watch / TV / too much / shouldn't / . /

Thí sinh viết tiếp các nhóm từ và dấu câu theo đúng thứ tự vào phần ANSWERS để thành câu hoàn chỉnh.

ANSWERS

35. My _____

36. You _____

VII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1,0 pt)

Thí sinh viết tiếp vào phần _____ để có được câu hoàn chỉnh.

37. It takes Lan two hours to learn the new words by heart.

→ Lan spends _____

38. The car is in front of his house.

→ His house is _____

39. How about we go to the beach?

→ What about _____ ?

40. She likes RnB best.

→ Her _____

THE END OF THE TEST

I. Choose the word / phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence. (3,5 pts)

1. B. stays
2. B. bag
3. D. donation
4. D. asleep
5. C. fast food
6. D. making vlogs
7. C. in
8. C. are reviewing
9. B. her
10. A. fair
11. C. should
12. D. between
13. B. How can I help you?
14. C. What kind of music do you like?

II. Look at the sign / picture. Choose the best answer (A, B, C, or D) for each sign / picture. (0,5 pt)

15. B. You mustn't climb here.
16. D. You should take one table after eating, twice a day.

III. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage. (1,5 pts)

17. B. models
18. C. of
19. A. but
20. B. my
21. D. makes
22. C. help

IV. Read the following passage. Decide if the statements from 13 to 16 are True or False, and choose the correct answers (A, B, C, or D) for the questions 17 and 18. (1,5 pts)

23. True
24. False
25. False
26. False

27. C. exciting
28. D. A Review of The Dark Knight

V. Use the correct form of the word given in each sentence. (1,5 pts)

29. collect
30. Traditionally
31. toothache
32. interesting
33. musical
34. safety

VI. Rearrange the words or phrases in a correct order to make complete sentences. (0,5 pt)

35. My brother has a collection of soccer stickers.
36. You shouldn't watch too much TV.

VII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1,0 pt)

37. *Lan spends* two hours learning the new words by heart.
38. *His house* is behind the car.
39. *How about* going to the beach?
40. *Anna's* favorite music/ kind of music/type of music is RnB.

- The end -



I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I - i-LEARN SMART WORLD 7

STT	Kỹ năng	Dạng bài Chuẩn kiến thức	Mức độ								Số câu	Số điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng cấp thấp		Vận dụng			
			TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL			
I. Multiple choice (4 options)	Use of English	The different stress		Q1		Q2					2	0,5 = 5%
		The different sound		Q3		Q4					2	0,5 = 5%
		Grammar/structure		Q5		Q6					2	0,5 = 5%
		Preposition		Q7		Q8					2	0,5 = 5%
		Vocabulary		Q9		Q10					2	
		Verb form/tense		Q11		Q12					2	0,5 = 5%
		Conversation				Q13,14					2	0,5 = 5%
II. Signals (4 options)	Look at the sign/picture Thống nhất dùng câu lệnh <i>What does the sign say?</i> hoặc <i>What does the sign say?</i>										6	1,5 = 15%
III. Reading Cloze test (4 options)	Cloze test (Gồm 06 câu 02N, 02Adj, 01 dạng thức động từ, 01 giới từ hoặc liên quan đến ngữ pháp.)					Q17,18,19, 20,21,22					4	1,0 = 10%
						Q23,24,25, 26					2	0,5 = 5%
IV. Reading Comprehension	Reading Comprehension Choose True or False.								27,28		6	1,5 = 15%
	Choose the most suitable item.							Q29,30, 31,32		Q33,34		
V. Word form	Word form	Supply the correct form of the word given in brackets: - 02 Nouns - 02 Adjectives - 01 Verb - 01 Adverb									2	0,5 = 5%
VI. Rearrange	Make complete sentences(Cho từ gợi ý đầu câu)							Q35,36			4	1,0 = 10%
II. Transformation	Transformation (Gồm 04 câu viết lại: Mỗi câu sẽ chỉ có 1 hoặc 2 đáp án, cấu trúc ngữ pháp hoặc Expressions.)							Q37,38		Q39,40	4	1,0 = 10%
Total			0	6	0	20	8	2	4	0	40	10=100%
Tự luận: 28 câu (70%)			Tự luận: 12 câu (30%)									

II. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I i-LEARN SMART WORLD 7

STT	Kỹ năng	Dạng bài Chuẩn kiến thức	Mức độ								Số câu	Số điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng cấp thấp		Vận dụng cấp cao			
			TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN		
I. Language (4 options)	Pronunciation	The different stress Đọc và nhớ trọng âm của bốn từ tiếng Anh đã học để chọn ra câu trả lời duy nhất là từ có trọng âm khác với ba từ còn lại.		Q1		Q2					2	0,5=5%
		The different sound Đọc và nhớ âm trong phần gạch chân của những từ tiếng Anh đã học để chọn ra câu trả lời duy nhất là từ có phần gạch chân được phát âm khác		Q3		Q4					2	0,5=5%
	Use of English Đọc các câu và đoạn hội	Grammar/ structure		Q5		Q6					2	0,5=5%
	thoại ngắn nhớ hoặc hiểu những từ, cụm từ, giới từ và điểm ngữ pháp tiếng Anh đã học để chọn câu trả lời đúng nhất.	Preposition		Q7		Q8					2	0,5=5%
		Vocabulary		Q9		Q10					2	0,5=5%
Verb form/tense			Q11		Q12					2	0,5=5%	
	Conversation				Q13, 14					2	0,5=5%	
II. Signals (4 options)	Look at the sign/picture Choose the best answer (A, B, C, or D) for each sign/picture. Đọc hình ảnh và vận dụng kiến thức tiếng anh đã học để chọn câu trả lời đúng nhất. (Cụ thể 01 câu sign hình ảnh; 01 câu sign có từ. Thống nhất dùng câu lệnh) <i>What does the sign say?</i> hoặc <i>What does the sign say?</i>				Q15, 16					2	0,5=5%	
III. Reading Comprehension	Reading Comprehension :Choose True or False. Đọc và hiểu văn bản nhật dụng bằng tiếng Anh cũng như 4 câu trần thuật để nhận dạng các câu trần thuật đó là đúng hay sai.				Q17, 18, 19,20					4	1,0=10 %	

	Choose the most suitable item. Đọc văn bản bằng tiếng Anh vận dụng được kiến thức tiếng anh đã học để diễn dịch đúng câu hỏi và chọn đúng phương án trả lời đúng nhất.							Q21, 22			2	0,5=5%
IV. Reading Cloze test (4 options)	Cloze test (Gồm 06 câu 02N, 02Adj, 01 dạng thức động từ, 01 giới từ hoặc liên quan đến ngữ pháp.) (4 options) Choose the word or phrase that best fits the blank space in the following passage. Đọc đoạn văn ngắn bằng tiếng Anh hiểu được từ cụm từ và các điểm ngữ pháp trong đoạn văn để chọn câu trả lời đúng nhất điền vào chỗ trống trong đoạn văn đó.					Q23,24, 25,26, 27,28					6	1,5=15%
V. Word form	Word form Đọc các câu ngắn hiểu được vị trí của từ cho trước và viết vào đúng dạng của từ đó.	Supply the correct form of the word given in brackets: - 02 Nouns - 02 Adjectives - 01 Verb - 01 Adverb					Q29,3 0 ,31,32		Q33, 34		6	1,5=15%
VI. Rearrange	Make complete sentences(Cho từ gợi ý đầu câu)						Q35, 36				2	0,5=5%
VII. Transformation	Transformation Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. Đọc câu ngắn cho trước vận dụng kiến thức đã học để viết 1 câu khác theo yêu cầu sao cho tương đương về ý nghĩa hoặc diễn dịch đúng ý nghĩa của các câu cho trước đó. (Gồm 04 câu viết lại: Mỗi câu sẽ chỉ có 1 hoặc 2 đáp án, cấu trúc ngữ pháp hoặc Expressions.)						Q37, 38		Q39,4 0		4	1,0=10%
		Total	0	6	0	20	8	2	4	0	40	10=100%
Trắc nghiệm: 28 câu (70%)	Tự luận: 12 câu (30%)											



(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

Môn kiểm tra: Giáo dục công dân 7
Ngày kiểm tra: 26 tháng 12 năm 2025
Thời gian làm bài: 45 phút
(Không kể thời gian phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN: (3,0 điểm)

Câu 1: Việc làm nào sau đây giúp em hiểu thêm về truyền thống quê hương?

- A. Kiên trì chơi game. B. Xem nhiều phim kinh dị.
C. Tìm đọc thêm các tài liệu về các truyền thống. D. Đọc nhiều truyện nước ngoài.

Câu 2: Phẩm chất nào sau đây là truyền thống tốt đẹp của quê hương?

- A. Yêu nước, đoàn kết, kiên cường. B. Dũng cảm, ích kỉ, bất khuất.
C. Cần cù lao động, hà tiện, ích kỉ. D. Lười biếng, kiên cường, vị tha.

Câu 3: Khi người khác gặp chuyện **không** vui, em sẽ làm gì để thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ?

- A. Dùng những lời lẽ để châm chọc. B. Kể cho nhiều người biết.
C. Lắng nghe, an ủi và động viên. D. Thờ ơ, không quan tâm.

Câu 4: Hành động nào thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ trong gia đình?

- A. Bỏ mặc việc nhà vì “không liên quan” B. Giúp đỡ bố mẹ khi học bài xong.
C. Giữ khoảng cách với người thân. D. Không trò chuyện cùng người thân.

Câu 5: Hành động nào sau đây thể hiện sự cảm thông đối với bạn bè?

- A. Chê bai khi bạn làm sai. B. Động viên, giúp đỡ bạn vượt qua khó khăn.
C. Mặc kệ khi bạn buồn. D. Cười nói khi bạn gặp chuyện không may.

Câu 6: Khi nhà trường có hoạt động quyên góp vì đồng bào bị lũ lụt, em sẽ làm gì để thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ?

- A. Không tham gia vì không được lợi. B. Chỉ quyên góp nếu có người nhắc.
C. Tham gia bằng khả năng của mình. D. Góp để được bạn bè khen ngợi.

Câu 7: Tầm quan trọng của việc “giữ chữ tín”.

- A. Chỉ mong được khen ngợi. B. Để ai cũng phải nghe lời mình.
C. Để khỏi bị phạt tiền. D. Giúp xây dựng uy tín và mối quan hệ tốt đẹp.

Câu 8: Hành động nào dưới đây thể hiện người biết giữ chữ tín?

- A. Hoàn thành công việc đúng thời gian.
B. Hứa trực nhật nhưng không tham gia.
C. Hứa giúp bạn học nhưng không giúp.
D. Thường xuyên làm trễ công việc của cả nhóm.

Câu 9: Việc **không** “giữ chữ tín” sẽ dẫn đến hậu quả gì?

- A. Mất lòng tin của mọi người. B. Được mọi người tôn trọng.
C. Có thêm nhiều cơ hội. D. Trở nên uy tín hơn.

Câu 10: Ý đúng về di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam là:

- A. Nhã nhạc cung đình Huế. B. Tháp Chăm Mỹ Sơn.
C. Hoàng thành Thăng Long. D. Thành nhà Hồ.

Câu 11: Bảo tồn di sản văn hóa nhằm mục đích gì?

- A. Làm mới hoàn toàn các di tích.
- B. Tăng số lượng lễ hội.
- C. Làm nơi du lịch để thu tiền.
- D. Giữ gìn cho thế hệ tương lai.

Câu 12: Ý nào sau đây đúng khi nói về bảo tồn di sản văn hóa?

- A. Vẽ lung tung trong khu di tích.
- B. Bẻ cành cây trong khu di tích.
- C. Tuân thủ các quy định khi tham quan.
- D. Leo trèo các cành cây trong khu di tích.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI: (4,0 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).

Câu 1: Để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, học sinh cần:

- a) Mỗi học sinh góp phần bảo vệ các di tích lịch sử ở địa phương.
- b) Cố gắng học tập và rèn luyện đạo đức.
- c) Tuyên truyền những hình ảnh của đất nước đến bạn bè thế giới.
- d) Cho rằng đó là trách nhiệm của người lớn, không cần phải tham gia.

Câu 2: Trong đợt lũ lớn tại miền Trung, trường em phát động phong trào quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiệt hại. Là học sinh, em cần thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ như thế nào?

- a) Em chủ động quyên góp trong khả năng của mình, dù chỉ là số tiền nhỏ hay vài bộ quần áo cũ.
- b) Chỉ tham gia ủng hộ khi giáo viên yêu cầu vì nghĩ việc giúp đỡ là trách nhiệm của nhà trường, không phải của học sinh.
- c) Giúp tuyên truyền tinh thần “lá lành đùm lá rách”, kêu gọi bạn bè cùng chung tay hỗ trợ người dân vùng lũ.
- d) Chia sẻ hình ảnh người dân gặp nạn trên mạng xã hội để gây sự chú ý, kể cả khi họ chưa đồng ý.

Câu 3: Hành động nào sau đây là “giữ chữ tín”

- a) Mượn đồ không trả đúng hẹn và không đúng tình trạng ban đầu.
- b) Luôn hoàn thành công việc được giao đúng thời gian
- c) Thực hiện đúng lời hứa với tất cả mọi người.
- d) Làm việc qua loa, không đúng yêu cầu.

Câu 4: Ý nào sau đây là đúng khi nói về “Di sản văn hóa”

- a) Di sản văn hóa là tài sản, công sức của các nước láng giềng.
- b) Chỉ có Nhà nước mới có trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa .
- c) Mọi hành vi phá hoại di sản văn hóa chỉ cần bồi thường là xong.
- d) Khi phát hiện các di vật, cổ vật chúng ta cần báo ngay cho các cấp có thẩm quyền.

B. PHẦN TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: (1,0 điểm)

Nhóm của em hẹn nhau 8 giờ diễn văn nghệ nhưng có một số bạn đến trễ nhiều lần. Điều đó làm ảnh hưởng đến quá trình tập luyện và kết quả chung.

Em có nhận xét gì về hành vi của các bạn. Em sẽ khuyên bạn như thế nào để bạn thay đổi hành vi của mình?

Câu 2: (2,0 điểm)

Trong một lần tham gia ngoại khóa, N và T vô tình phát hiện một hiện vật của nền văn hóa Óc Eo. Đó là một chiếc bình cổ. N cho rằng: “Hình như chiếc bình này là cổ vật. Nếu mình bán sẽ kiếm được nhiều tiền”.

- a) Theo em suy nghĩ của N có vi phạm pháp luật không? Nếu có, sẽ bị xử lý như thế nào?
- b) Là học sinh em sẽ làm gì trong tình huống này để đúng với quy định của pháp luật về bảo vệ “di sản văn hóa”?

Hết

(Học sinh nộp lại đề sau khi hết thời gian làm bài)

Họ tên học sinh:.....

Số báo danh: Phòng: Lớp:



A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN: (3,0 điểm)

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A		X						X	X	X		
B				X	X							
C	X		X			X						X
D							X				X	

- Học sinh trả lời đúng, mỗi câu đạt 0,25 điểm.

- Học sinh trả lời sai, mỗi câu trừ 0,25 điểm.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI: (4,0 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).

Câu	1	2	3	4
A	Đ	Đ	S	S
B	Đ	S	Đ	S
C	Đ	Đ	Đ	S
D	S	S	S	Đ

B. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: Nhận xét về hành vi của các bạn đến trễ:

Việc một số bạn thường xuyên đến trễ thể hiện sự thiếu ý thức về kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, không giữ chữ tín làm ảnh hưởng đến tiến độ tập luyện, làm ảnh hưởng đến chất lượng tiết mục văn nghệ. (0,25 điểm)

Khuyến bạn: Mỗi thành viên đều có trách nhiệm đến đúng giờ để không làm ảnh hưởng đến tập thể. (0,25 điểm)

Nếu thường xuyên trễ vì lý do cá nhân, bạn nên chuẩn bị trước (quần áo, đồ dùng, thời gian di chuyển...). (0,25 điểm)

Nhắc nhở bạn nhẹ nhàng “Bạn nên đi đúng giờ để buổi tập đạt hiệu quả hơn. Nhóm mình muốn biểu diễn thật tốt, nên rất cần sự hợp tác của mọi người. Mình tin bạn làm được!”. Nếu có lý do đặc biệt, hãy báo trước để nhóm điều chỉnh kế hoạch phù hợp. (0,25 điểm)

(Tùy vào cách học sinh diễn đạt mà giám khảo cho điểm)

Câu 2:

a) Suy nghĩ của N có vi phạm pháp luật không? Nếu có, sẽ bị xử lý như thế nào?

- Suy nghĩ của N là không đúng và nếu thực hiện hành vi đó thì sẽ vi phạm pháp luật.

Chiếc bình cổ thuộc di sản văn hóa, là tài sản của Nhà nước hoặc phải được bảo vệ, quản lý theo quy định của pháp luật. Việc tự ý chiếm lấy, mua bán, cất giữ hoặc vận chuyển cổ vật là hành vi bị cấm theo Luật Di sản văn hóa. (0,5 điểm)

- Nếu N đem bán cổ vật thật sự sẽ bị xử lý như sau:

Bị xử phạt hành chính (phạt tiền, tịch thu hiện vật...) theo quy định nếu mức độ nhẹ.

Nếu giá trị lớn hoặc hành vi nghiêm trọng, có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội xâm phạm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Đồng thời N sẽ bị yêu cầu nộp lại cổ vật và bồi thường thiệt hại (nếu có) (0,5 điểm)

b) Là học sinh, em sẽ làm gì trong tình huống này để đúng quy định pháp luật?

Không tự ý lấy, giữ hoặc mang cổ vật về nhà.

Báo ngay cho thầy cô hoặc người phụ trách buổi ngoại khóa.

Thông tin cho chính quyền địa phương, ban quản lý di tích hoặc cơ quan văn hóa gần nhất để kịp thời bảo vệ hiện vật.

Khuyên N và T không được bán hoặc cất giữ cổ vật, giải thích rằng đây là hành vi vi phạm pháp luật và ảnh hưởng đến di sản chung của quốc gia.

Giữ thái độ tôn trọng di sản văn hóa, tránh làm hư hại hoặc xâm phạm hiện vật.

(Tối đa tìm được 4 việc làm mỗi việc đạt 0,25 điểm)

Hết



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - LỚP 7

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA ĐỀ KIỂM TRA

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh học kì I, năm học 2025 – 2026
- Nâng cao hiệu quả dạy học của giáo viên.
- Đề phải chính xác, đảm bảo kiến thức chuẩn, đạt hiệu quả kiểm tra.

II. HÌNH THỨC CỦA ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức đề kiểm tra: 70% trắc nghiệm (Trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm đúng sai), 30% tự luận.
- Thời gian: 45 phút.

III. MA TRẬN ĐẶC TẢ MÔN GDCD KHỐI 7

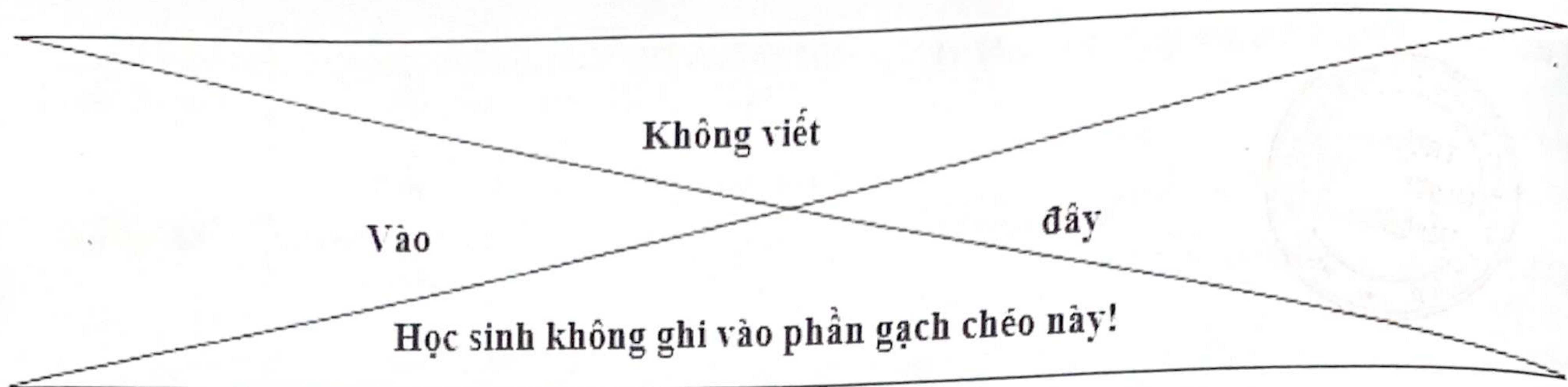
1. Ma trận

TT	Mạch nội dung	Tên bài/ Chủ đề	Mức độ đánh giá									Tổng						
			TNKQ						Tự luận			Biết	Hiểu	Vận dụng	điểm	%		
			Nhiều lựa chọn			"Đúng – Sai"			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng							
1	Giáo dục đạo đức	Tự hào về truyền thống quê hương	2			0,5	0,5							2,5	0,5		1,5	15%
2	Giáo dục đạo đức	Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	3	1		0,5	0,5							3,5	1,5		2	20%
3	Giáo dục đạo đức	Giữ chữ tín	3			0,5	0,5						1	3,5	0,5	1	3,75	37,5%
4	Giáo dục đạo đức	Bảo tồn di sản văn hóa	2	1			1						1	2	2	1	2,75	27,5%
Tổng số câu			10	2		1,5	2,5						2				16	
Tổng số điểm				3,0		4,0			0,0			3,0		4,0	3,0	3,0	10	100%
Tỉ lệ %				30		40			00			30		40	30	30		100

2. Bản đặc tả

TT	Mạch kiến thức	Tên bài/chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá								
				TNKQ						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			"Đúng – Sai"			Biết	Hiểu	Vận dụng
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	Giáo dục đạo đức	Tự hào về truyền thống quê hương.	<p>Nhận biết: Nêu được một số truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước của quê hương.</p> <p>Thông hiểu: Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa truyền thống của quê hương và phát huy trong học tập và cuộc sống.</p>	2	1		0,5	0,5				
2	Giáo dục đạo đức	Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	<p>Nhận biết: Nêu được khái niệm và biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.</p> <p>- Trình bày được giá trị của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.</p> <p>Thông hiểu: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.</p>	3			0,5	0,5				
3	Giáo dục đạo đức	Giữ chữ tín	<p>Nhận biết: Nêu được khái niệm và biểu hiện của giữ chữ tín.</p> <p>- Nhận biết được ý nghĩa của giữ chữ tín.</p> <p>Thông hiểu: - Tác dụng của việc giữ chữ tín trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>Vận dụng: - Vận dụng việc giữ chữ tín trong học tập và cuộc sống hàng ngày.</p>	3			0,5	0,5				1

4	Giáo dục đạo đức	Bảo tồn di sản văn hóa.	Nhận biết: Nêu được khái niệm di sản văn hóa và một số loại di sản văn hóa của Việt Nam. Thông hiểu: -Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội. Vận dụng: -Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa. - Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp để góp phần bảo vệ di sản văn hóa.	2	1			1				1
		Tổng số câu	16	10	2		1,5	2,5				2
		Tổng số điểm	10		3,0			4,0			3,0	
		Tỉ lệ %	100		30			40			30	



- B. Chất cộng hoá trị, vì còn là chất lỏng, dễ bay hơi và kém bền với nhiệt.
 C. Chất phi kim, vì còn có khả năng tan trong nước.
 D. Chất khí hiếm, vì còn rất bền với nhiệt

Câu 12: Trong CTHH của khí ammonia NH_3 , N có hoá trị:

- A. III. B. II. C. IV. D. VI.

Câu 13: Tốc độ của người đi xe đạp là 9km/h cho biết:

- A. Quãng đường đi được là 9 km.
 B. Trung bình trong 1 giờ người đó đi được 9 km.
 C. Tổng thời gian người đó đi là 1 giờ.
 D. Người đó phải dừng lại sau quãng đường 9 km.

Câu 14: Đơn vị nào sau đây không phải là đơn vị của tốc độ:

- A. km/min. B. m/s. C. Hz. D. km/h.

Câu 15: Khi tham gia giao thông, tốc độ được coi là an toàn là:

- A. Tốc độ luôn bằng 100 km/h.
 B. Tốc độ lớn nhất mà xe đạt được.
 C. Tốc độ chậm nhất có thể.
 D. Tốc độ thấp hơn hoặc bằng tốc độ tối đa cho phép và phù hợp với điều kiện đường sá.

Câu 16: Trong phân tử HCl, một nguyên tử Cl liên kết với một nguyên tử H. Dựa vào hoá trị của H, ta xác định được hoá trị của Cl là bao nhiêu?

- A. Hoá trị của Cl là I. B. Hoá trị của Cl là II.
 C. Hoá trị của Cl là IV. D. Hoá trị của Cl là III.

II. TRẮC NGHIỆM MỆNH ĐỀ ĐÚNG/SAI: (2,0 điểm)

Đánh dấu X vào các ô “Đúng”, “Sai” tương ứng.

Câu 17: Em hãy dùng kiến thức về tốc độ trong an toàn giao thông để nhận định các câu sau đây là đúng hay sai?	Đúng	Sai
A. Tốc độ an toàn luôn phải bằng tốc độ tối đa cho phép được ghi trên biển báo giao thông.		
B. Tăng tốc độ không chỉ giúp tài xế tránh va chạm mà còn giúp người đi bộ và các phương tiện khác có thêm thời gian để phản ứng.		
C. Tốc độ an toàn phải luôn được điều chỉnh giảm khi mặt đường ướt vì sự có mặt của nước sẽ làm giảm sự bám của lốp xe, làm bánh sẽ dễ trơn trượt, gây mất an toàn.		
D. Khi điều tiết tốc độ trong khu vực có nhiều lối vào/ra, tài xế nên giảm tốc độ một cách chủ động để tạo khoảng trống đủ lớn, cho phép các xe nhập làn một cách an toàn mà không cần xe phía trước phải phanh gấp.		

Không viết

Vào

đây

Học sinh không ghi vào phần gạch chéo này!

Câu 18: Em hãy dùng kiến thức về hoá trị và CTHH để nhận định các câu sau đây là đúng hay sai?	Đúng	Sai
A. Trong phân tử của đơn chất, tích hóa trị và số nguyên tử của nguyên tố này bằng tích hóa trị và số nguyên tử của nguyên tố kia.		
B. Để xác định hoá trị của Ca trong hợp chất CaO ta dựa vào hoá trị của nguyên tố đã biết là O (hoá trị II)		
C. Nguyên tố P có hoá trị V. Vậy CTHH của hợp chất tạo bởi P và O là: P_2O_5		
D. Trong hợp chất $MgSO_4$, thành phần % nguyên tố Mg là 20,02% Cho biết $Mg=24, S=32, O=16$		

III. TỰ LUẬN: (4,0 điểm)

Câu 19: (0,5 điểm) Em hãy vẽ sơ đồ để giải thích sự hình thành liên kết ion trong phân tử MgO (Cho Mg có 12p, O có 8p)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 20: (2,0 điểm)

a) Tính khối lượng phân tử Iron (III) nitrate $Fe(NO_3)_3$? (Cho $Fe = 56, N = 14, O = 16$)

.....

.....

.....

.....

b) Xác định CTHH của Aluminium sulfide được tạo nên từ nguyên tố Al (hoá trị III) và S (hoá trị II)?

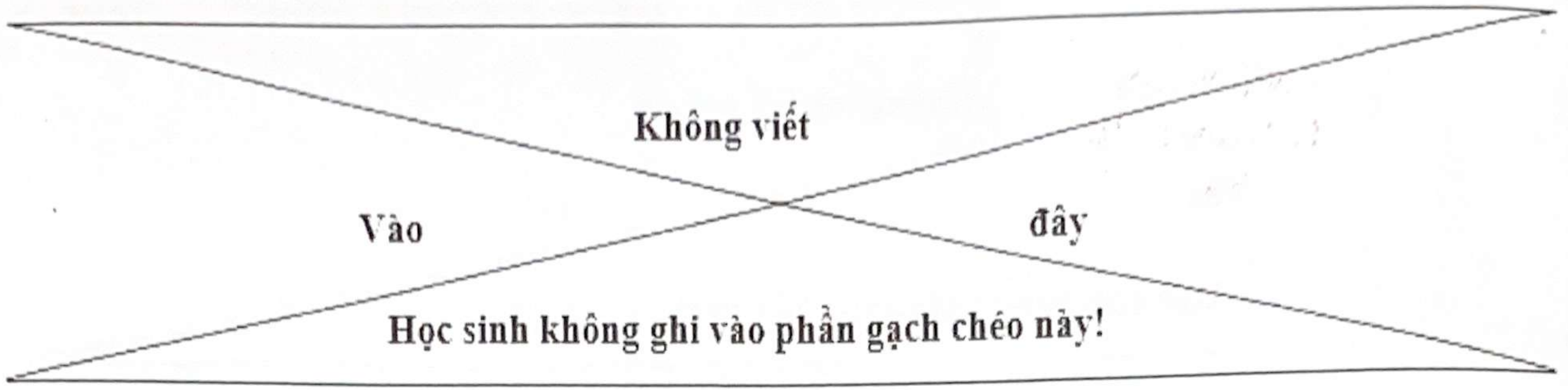
.....

.....

.....

.....

.....



c) Zinc chloride là hợp chất được tạo nên từ nguyên tố Zn và Cl, trong đó nguyên tố Zn chiếm 47,79%. Biết khối lượng phân tử hợp chất là 136 amu. Xác định CTHH của hợp chất trên.

(Cho $Zn = 65$, $Cl = 35,5$)

Câu 21: (1,0 điểm) Gia đình bạn Hải đi du lịch Nha Trang bằng ô tô với tốc độ 50km/h thì hết 8h. Tính quãng đường từ nhà bạn Hải đến Nha Trang? Ô tô chạy với tốc độ 50km/h cho biết điều gì?

Câu 22: (0,5 điểm) Từ nhà đến trường bằng xe đạp điện, Nga phải đi ngang qua khu vực trường tiểu học. Mỗi lần đến đó Nga đều phải giảm tốc độ. Em hãy giải thích tại sao Nga phải làm như vậy?



I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	D	C	A	D	C	B	A	D	A	C	B	A	B	C	D	A

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM MỆNH ĐỀ ĐÚNG/SAI: (2,0 điểm) Mỗi ý đúng 0,25 điểm

Câu 17: A – Sai. B – Sai. C – Đúng. D – Đúng.

Câu 18: A – Sai. B – Đúng. C – Đúng. D – Sai.

III. PHẦN TỰ LUẬN: (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
19 (0,5 điểm)	<p>Mg O Mg²⁺ O²⁻</p>	0,5đ
20 (2,0 điểm)	a) Khối lượng phân tử Fe(NO ₃) ₃ = 56 + (14.3) + (16.9) = 242 amu. (Nếu phép tính đúng mà kết quả sai 0,25đ)	0,5đ
	b) III II CTHH chung: Al _x S _y Áp dụng quy tắc hoá trị: III.x = II.y → $\frac{x}{y} = \frac{II}{III} = \frac{2}{3}$ → x = 2, y = 3 Vậy CTHH là: Al ₂ S ₃	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
	c) CTHH chung: Zn _x Cl _y $\%Zn = \frac{65.x}{136} \cdot 100\% = 47,79\% \Rightarrow x = 1$ $\%Cl = 100\% - \%Zn = 100\% - 47,79\% = 52,21\%$ $\%Cl = \frac{35,5.y}{136} \cdot 100\% = 52,21\% \Rightarrow y = 2$ Vậy CTHH là: ZnCl ₂	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
21 (1,0 điểm)	Quãng đường từ nhà Hải đến Nha Trang là: s = v.t = 50.8 = 400 (km)	0,5đ
	Tốc độ 50km/h cho biết trong thời gian 1 giờ ô tô đi được quãng đường là 50km	0,5đ

22 (0,5 điểm)	Khi đến khu vực trường tiểu học, Nga giảm tốc độ vì: Khu vực trường tiểu học tập trung đông người, trẻ em có thể bất ngờ chạy ra đường, giảm tốc độ để ta có thời gian xử lý những tình huống bất ngờ, tránh gây tai nạn. (Mỗi ý hợp lý 0,25đ)	0,25đ 0,25đ
--------------------------------	--	--------------------

Hết.

UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY
TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI 60 PHÚT
TRẮC NGHIỆM 40% - CÂU ĐÚNG SAI 20% - TỰ LUẬN 40%

1. Thời điểm kiểm tra: Tuần từ 22/12/2025 đến 27/12/2025
2. Thời gian làm bài: 60 phút.
3. Nội dung: Từ bài 2. Nguyên tử đến bài 13. Độ to và độ cao của âm.
4. Hình thức kiểm tra:

Phần I (4,0 điểm)	Phần II (2,0 điểm)	Phần III (4,0 điểm)
16 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn (0,25 điểm/câu).	2 câu trắc nghiệm đúng sai, mỗi câu 4 ý (1,0 điểm/câu).	4 câu tự luận (2 câu 0,5 điểm, 1 câu 1 điểm, 1 câu 2 điểm).

✓ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

5. Bảng năng lực và cấp độ tư duy:

Năng lực	Cấp độ tư duy								
	Phần I			Phần II			Phần III		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Nhận biết KHTN	12			4					
Tìm hiểu tự nhiên		4			2			4	
Vận dụng kiến thức kĩ năng						2			3
Tổng	12	4		4	2	2		4	3

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi

6. Cấu trúc:

Trắc nghiệm	Phần I (4,0 điểm)		Phần II (2,0 điểm)			Phần III (4,0 điểm)	
	Mức độ		Mức độ			Mức độ	
	Nhận biết	Thông hiểu	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Thông hiểu	Vận dụng

Số câu/ý	16	12	04	04	02	02	4	4
Số điểm	4,0	3,0	1,0	1,0	0,5	0,5	1,5	2,5
Điểm lý thuyết		3,0	1,0	2,0			0,5	1,0
Điểm bài toán							1,0	1,5

7. Ma trận:

STT	Nội dung kiến thức	Phần I		Phần II			Phần III	
		Nhận biết	Thông hiểu	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Thông hiểu	Vận dụng
1	Bài 2: Nguyên tử	C1, C2						
2	Bài 3: Nguyên tố hóa học	C3, C4						
3	Bài 5: Phân tử - đơn chất - hợp chất	C5, C6					C2a	
4	Bài 6: Giới thiệu về liên kết hóa học	C7, C8	C11					C1
5	Bài 7. Hóa trị và công thức hóa học	C16	C12	2a, 2b	2c	2d	C2b	C2c
6	Bài 8. Tốc độ chuyển động	C13, C14	C9				C3b	C3a
7	Bài 11. Tốc độ và an toàn giao thông	C15	C10	1a, 1b	1c	1d		C4
	Câu/ý	12	4	4 ý	2 ý	2 ý	4 ý	4 ý
	Tổng điểm	3,0	1,0	1,0	0,5	0,5	1,5	2,5

8. Đặc tả:

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM				
Đơn vị kiến thức	Nhận biết		Thông hiểu	
	Yêu cầu cần đạt	Câu	Yêu cầu cần đạt	Câu
Bài 2: Nguyên tử	- Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford - Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). - Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử).	[1] [2]		

Bài 3: Nguyên tố hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. - Viết kí hiệu một số nguyên tố hoá học và đọc tên của 20 nguyên tố đầu tiên. - Ý nghĩa cách viết KHHH các nguyên tố. 	[3] [4]		
Bài 5: Phân tử - đơn chất – hợp chất	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất và hợp chất. - Phân biệt được đơn chất, hợp chất. 	[5] [6]		
Bài 6: Giới thiệu về liên kết hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm. - Nêu được sự hình thành liên kết cộng hóa trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra electron ngoài cùng giống nguyên tử nguyên tố khí hiếm. - Nêu được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp electron ngoài cùng giống nguyên tử nguyên tố khí hiếm. 	[7] [8]	- Phân biệt chất ion, chất cộng hóa trị.	[11]
Bài 7: Hóa trị và công thức hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về hoá trị, cách xác định hoá trị của nguyên tố trong một số hợp chất cộng hoá trị. - Nhận biết được hoá trị trong hợp chất cộng hoá trị. 	[16]	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách tính hoá trị của nguyên tố trong hợp chất cộng hoá trị. - Viết được công thức hoá học của một số đơn chất và hợp chất đơn giản. 	[12]
Bài 8: Tốc độ chuyển động	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ. Tốc độ = quãng đường vật đi/thời gian đi quãng đường đó. - Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng. 	[13] [14]	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông. - So sánh được tốc độ của các vật chuyển động. 	[9]
Bài 11: Tốc độ và an toàn giao thông	Biết được vai trò của tốc độ trong an toàn giao thông.	[15]	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng thiết bị “bắn tốc độ” trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông. - Nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông. 	[10]
Điểm		3,0		1,0

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM MỆNH ĐỀ ĐÚNG - SAI

Đơn vị kiến thức	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng	
	Yêu cầu cần đạt	Câu	Yêu cầu cần đạt	Câu	Yêu cầu cần đạt	Câu

Bài 11: Tốc độ và an toàn giao thông	– Nêu được vai trò của tốc độ trong an toàn giao thông. – Nêu được việc điều tiết tốc độ trong khi tham gia giao thông để giảm thiểu các tai nạn hoặc sự cố nguy hiểm.	1a,1b	– Hiểu được vai trò của tốc độ trong an toàn giao thông.	1c	– Vận dụng các kiến thức đã học nêu được việc điều tiết tốc độ trong khi tham gia giao thông để giảm thiểu các tai nạn hoặc sự cố nguy hiểm.	1d
Bài 7. Hóa trị và công thức hóa học	– Nêu được mối liên hệ giữa hóa trị của nguyên tố với công thức hoá học.	2a,2b	– Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng.	2c	– Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất	2d
Điểm		1,0		0,5		0,5

PHẦN III. TỰ LUẬN

Đơn vị kiến thức	Thông hiểu		Vận dụng	
	Yêu cầu cần đạt	Câu	Yêu cầu cần đạt	Câu
Bài 6: Giới thiệu về liên kết hóa học			- Giải thích sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H ₂ , Cl ₂ , NH ₃ , H ₂ O, CO ₂ , N ₂ ,...). – - - Giải thích sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như NaCl, MgO,...).	C1 (0,5đ)
Bài 5: Phân tử - đơn chất - hợp chất	- Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.	C2a (0,5đ)		
Bài 7: Hóa trị và công thức hóa học	- Viết được công thức hoá học của hợp chất dựa vào mối liên hệ giữa hóa trị của nguyên tố.	C2b (0,5đ)	- Lập công thức hóa học dựa vào phần trăm (%) các nguyên tố trong hợp chất.	C2c (1,0đ)
Bài 8: Tốc độ chuyển động	- Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ trong trường hợp cụ thể.	C3b (0,5đ)	- Vận dụng được công thức $Tốc\ độ = \frac{quãng\ đường\ vật\ đi}{thời\ gian\ đi}$ quãng đường đó để xác định xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng.	C3a (0,5đ)
Bài 11: Tốc độ và an toàn giao thông			- Vận dụng các kiến thức đã học nêu được việc điều tiết tốc độ trong khi tham gia giao thông để giảm thiểu các tai nạn hoặc sự cố nguy hiểm.	C4 (0,5đ)
Điểm		1,5		2,5



ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

KIỂM TRA CUỐI KỲ 1
NĂM HỌC 2025 – 2026
Môn kiểm tra: Ngữ văn 7
Ngày kiểm tra: 23 tháng 12 năm 2025
Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian phát đề)

PHẦN 1: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Em hãy đọc kĩ ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

BUỔI SÁNG

(**Lược một đoạn:** Tuấn đang ăn khoai và xem đàn ong làm tổ thì Tí Hoa qua chơi. Thấy Tí Hoa thèm mẩu khoai, Tuấn liền ăn vội. Nhưng sau đó biết bạn đói, Tuấn đã rất ân hận nên quyết định lấy tiền mẹ cho mua tập để mua bánh mì thịt cho bạn cùng ăn.)

Tí Hoa trố mắt:

- Tiền mua tập sao anh lại đem ra mua bánh mì? Thế anh lấy tập ở đâu mà đi học?

Câu hỏi của Tí Hoa khiến Tuấn đăm lúng túng. Chẳng lẽ nó nói thật sở dĩ nó lấy tiền mua tập đi mua bánh mì là do không nở nhìn Tí Hoa nhăn nhó vì đói? Hơn nữa nó cũng không thể khai ra vừa nghe nhắc tới bánh mì thịt, bụng nó cũng đột nhiên đăm cơn cào dữ dội! Ngắc ngư một hồi, Tuấn gãi gãi đầu, giọng khò lấp:

- Ôi giới! Không có tập mới thì kiếm những trang thừa trong đồng tập cũ đóng lại chứ lo gì! Nhà tao tập cũ cả khối!

Nghe vậy, Tí Hoa mới yên tâm đưa khúc bánh mì lên miệng.

Nhịn đói từ sáng đến giờ, Tí Hoa ăn ngấu ăn nghiền. Nhoáng một cái, trong khi Tuấn mới cắn được một, hai miếng, khúc bánh mì trên tay Tí Hoa đã biến mất như có phép lạ. Vậy mà dường như nó vẫn còn thấy đói. Nó nhìn khúc bánh mì trên tay Tuấn, cắn môi hỏi:

- Sao anh ăn chậm rì vậy?

Đọc thấy vẻ thòm thèm trong mắt bạn, Tuấn chìa khúc bánh mì ra:

- Tao chả thấy ngon lành gì cả! Mà ăn giùm tao đi!

[...]

- Ngộ quá hén! Cái gì anh ghét thì em thích! - Tí Hoa hồn nhiên nhận xét, và nó hớn hờ thò tay cầm lấy khúc bánh mì Tuấn đưa - Vậy mà em tưởng anh cũng thích giống như em chứ!

Tuấn không nói gì. Nó kín đáo nuốt nước bọt đánh ực và cố không nghĩ gì đến chuyện “bánh mì thịt bánh mì cá” bằng cách đưa mắt nhìn về phía cây ổi xem bọn ong đã làm tổ đến đâu.

[...]

Lúc này khúc bánh mì trên tay Tí Hoa chỉ còn một mẩu bé tẹo. Thấy Tuấn nhìn chằm chằm mẩu bánh trên tay mình, Tí Hoa liền chìa ra:

- Anh ăn thử một miếng xem! Bánh mì thịt ngon thí mồ mà anh chê!

- Ủ, để tao ăn thử xem nào!

Vừa nói Tuấn vừa hí hửng cầm lấy mẫu bánh thừa bỏ tọt vào miệng. Nó nhai chóp chép, nuốt ực một cái, rồi gật gù:

- Ủ, ngon ghê!

Nói xong, Tuấn cười toe. Tí Hoa cũng cười, và nói, giọng đắc thắng:

- Thấy chưa! Em đã bảo bánh mì thịt ngon tuyệt mà anh không tin!

(Nguyễn Nhật Ánh (*), *Buổi sáng*, in trong *Út Quyên và tôi*, NXB Trẻ, Năm 2022, Trang 92-97)

(*) Nguyễn Nhật Ánh sinh ngày 7 tháng 5 năm 1955 tại tỉnh Quảng Nam. Ông được coi là một trong những nhà văn viết sách cho tuổi thơ, tuổi mới lớn thành công nhất với hơn 100 tác phẩm các thể loại. Nguyễn Nhật Ánh cuốn hút độc giả bởi lối kể chuyện hóm hỉnh, giọng văn giản dị và trong trẻo.

Út Quyên và tôi là một tập truyện ngắn gồm mười hai câu chuyện nhỏ gần gũi xoay quanh tình cảm anh em, gia đình, bè bạn. *Buổi sáng* là một trong những truyện ngắn đặc sắc của tập truyện.

Câu a: Nêu các sự việc chính trong văn bản trên. (1,0 điểm)

Câu b: Tìm một phó từ trong câu văn: “*Nhoáng một cái, trong khi Tuấn mới cắn được một, hai miếng, khúc bánh mì trên tay Tí Hoa đã biến mất như có phép lạ.*” và nêu chức năng của phó từ đó. (1,0 điểm)

Câu c: Nêu thông điệp của đoạn ngữ liệu trên. (1,0 điểm)

Câu d: Qua những hành động của Tuấn trong đoạn *in đậm*, em thấy Tuấn là người như thế nào? (1,0 điểm)

Câu e: Em có đồng tình với việc Tuấn dùng tiền mẹ cho mua tập để mua bánh mì không? Vì sao? Hãy trả lời trong khoảng 70 đến 100 chữ. (2,0 điểm)

PHẦN 2: VIẾT (4,0 điểm)

Tuấn là nhân vật để lại trong lòng bạn đọc nhiều ấn tượng sâu sắc. Em hãy phân tích đặc điểm nhân vật Tuấn trong truyện “*Buổi sáng*” của tác giả Nguyễn Nhật Ánh.

Hết

(*Học sinh nộp lại đề sau khi hết thời gian làm bài*)

Họ tên học sinh:.....

Số báo danh: Phòng: Lớp:



PHẦN	Nội dung	Điểm
1. ĐỌC HIỂU	Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu bên dưới	6,0
	Câu a: Các sự việc chính: - Tí Hoa sang nhà Tuấn chơi. Sợ bạn xin mẫu khoai, Tuấn liền ăn vội. - Sau đó, Tuấn ân hận nên quyết định lấy tiền mẹ cho mua tập để mua bánh mì cho bạn. - Ban đầu, bánh mì được chia đôi. Nhưng thấy bạn vẫn đói Tuấn kiếm có nhường cho bạn. - Tí Hoa thấy Tuấn cứ nhìn bánh mì của mình nên chia mẫu bánh cuối cùng cho Tuấn.	1,0
	Câu b: - Phó từ: đã => bổ sung ý nghĩa quan hệ thời gian cho động từ “biến mất” - Phó từ: mới => bổ sung ý nghĩa quan hệ thời gian cho động từ “cắn” - Phó từ: được => bổ sung ý nghĩa chỉ kết quả cho động từ “cắn”	1,0
	Câu c: - Bạn bè cần biết yêu thương, chia sẻ, thấu hiểu nhau - Cần biết sống nhân ái, biết cho đi	1,0
	Câu d: Qua những hành động của Tuấn như: <i>kín đáo nuốt nước bọt đánh ực, đưa mắt xem ông làm tổ, nhìn chăm chăm ổ bánh mì, bỏ tọt vào miệng</i> cho thấy Tuấn là cậu bé hồn nhiên, nhạy cảm, nhân hậu, tốt bụng. Dù lúc đầu sợ bạn xin khoai nên vội ăn hết, nhưng sau đó khi thấy bạn đói, cậu thương bạn nên lấy tiền mua tập để mua bánh mì cho bạn, cố gắng kìm nén cơn thèm nhường bánh cho bạn như để chuộc lại sự ích kỉ ban đầu.	1,0
	Câu e: Học sinh nêu quan điểm của cá nhân và giải thích phù hợp.	2,0
2. VIẾT	Em hãy phân tích đặc điểm nhân vật Tuấn trong truyện <i>Buổi sáng</i> của tác giả Nguyễn Nhật Ánh.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài phân tích đặc điểm một nhân vật văn học Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu nhân vật cần phân tích. Thân bài giới thiệu tác giả, tác phẩm, phân tích	0,5

	các đặc điểm của nhân vật. Kết bài khẳng định lại ý kiến của người viết, nêu cảm nghĩ về nhân vật.	
	<p>b. Xác định đúng nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> * Giới thiệu tác giả, tác phẩm * Phân tích các đặc điểm của nhân vật - Ý kiến 1: Tuấn là một cậu bé hồn nhiên, vô tư. + Lí lẽ 1 + Bằng chứng 1 - Ý kiến 2: Tuấn còn là đứa trẻ tế nhị, nhạy cảm. + Lí lẽ 2 + Bằng chứng 2 - Ý kiến 3: Tuấn có tấm lòng nhân hậu. + Lí lẽ 3 + Bằng chứng 3 ⇒ Sắp xếp lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí 	3,0
	c. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	d. Sáng tạo: Lời văn sinh động, có cảm xúc, cách diễn đạt sáng tạo	0,25

Hết

UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN QUANG KHẢI



BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Đọc hiểu	Văn bản truyện	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố của truyện: sự việc chính	1 TL			
		Phó từ	Nhận biết: Nhận biết được đặc điểm phó từ	0.5 TL			
		Văn bản truyện	Thông hiểu: - Nhận biết được thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động.		1 TL		
		Phó từ	Thông hiểu: Nhận biết được chức năng phó từ		1 TL		
			Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của nhân vật; nêu được lí do. (Trả lời khoảng 70 - 100 chữ).			1	
2	Viết	Phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: - Bước đầu biết viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.	1*	1*	1*	
Tổng				1,5 TL	2,5 TL	2 TL	6 TL
Tỉ lệ %				25	45	30	100
				70		30	100

UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN QUANG KHẢI

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản truyện	0	1,5	0	2,5	0	1	60
2	Viết	Bài văn nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			0	1,5	0	2,5	0	2	
Tỉ lệ %			25		45		30		100
Tỉ lệ chung %			70				30		100



ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

Ngày kiểm tra: 26 tháng 12 năm 2025

Thời gian làm bài: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (1,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất

Câu 1. Khẳng định nào sau đây sai?

A. $\sqrt{11} \in R$

C. $62, (3) \in I$

B. $\frac{-5}{13} \in Q$

D. $-25 \in Z$

Câu 2. Kết quả của $\sqrt{16}$

A. 4

B. -4

C. 8

D. -8

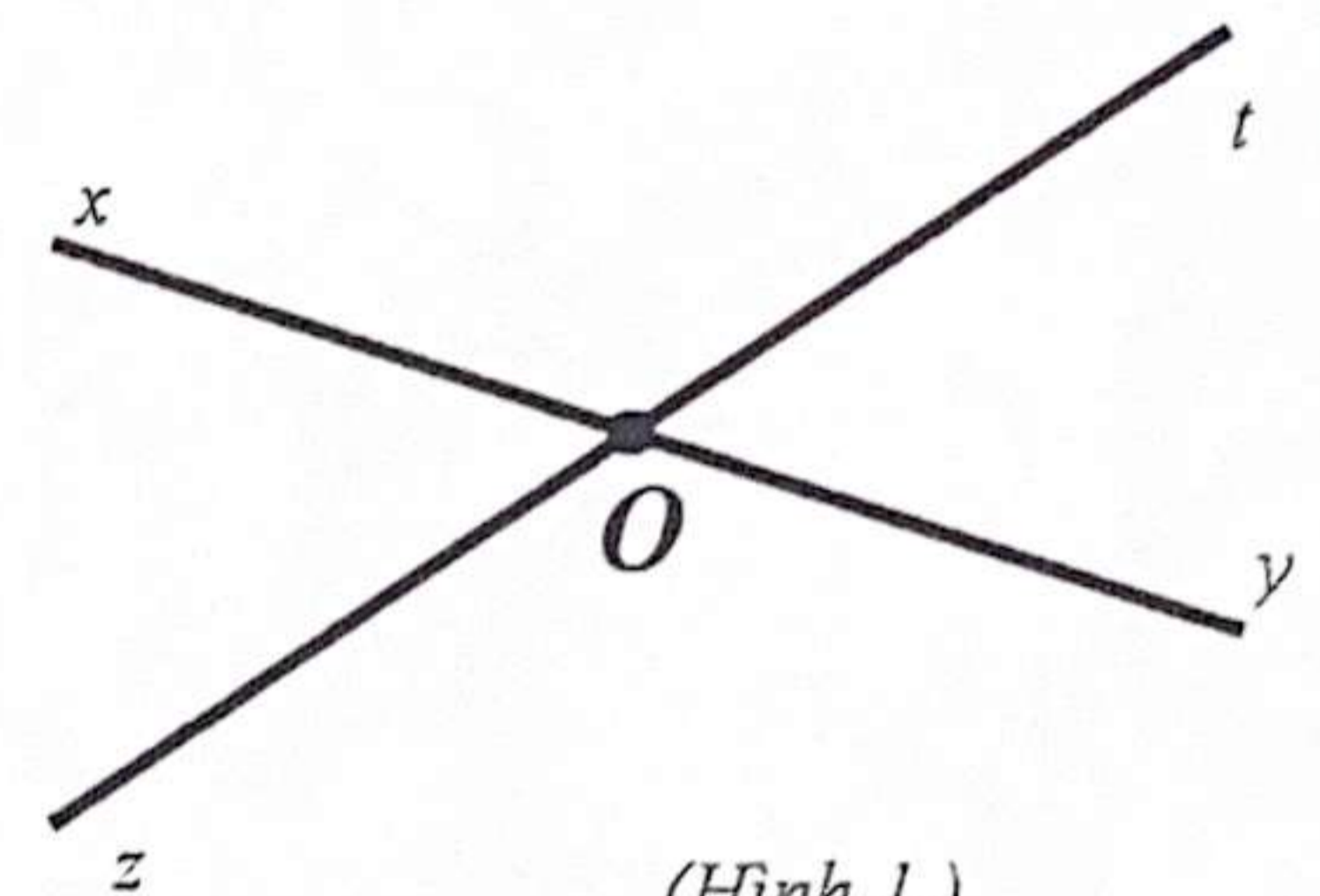
Câu 3. Hai góc kề bù trong hình (Hình 1.) là:

A. \widehat{xOz} và \widehat{tOy}

B. \widehat{xOz} và \widehat{xOt}

C. \widehat{xOt} và \widehat{zOy}

D. \widehat{xOy} và \widehat{xOz}



(Hình 1.)

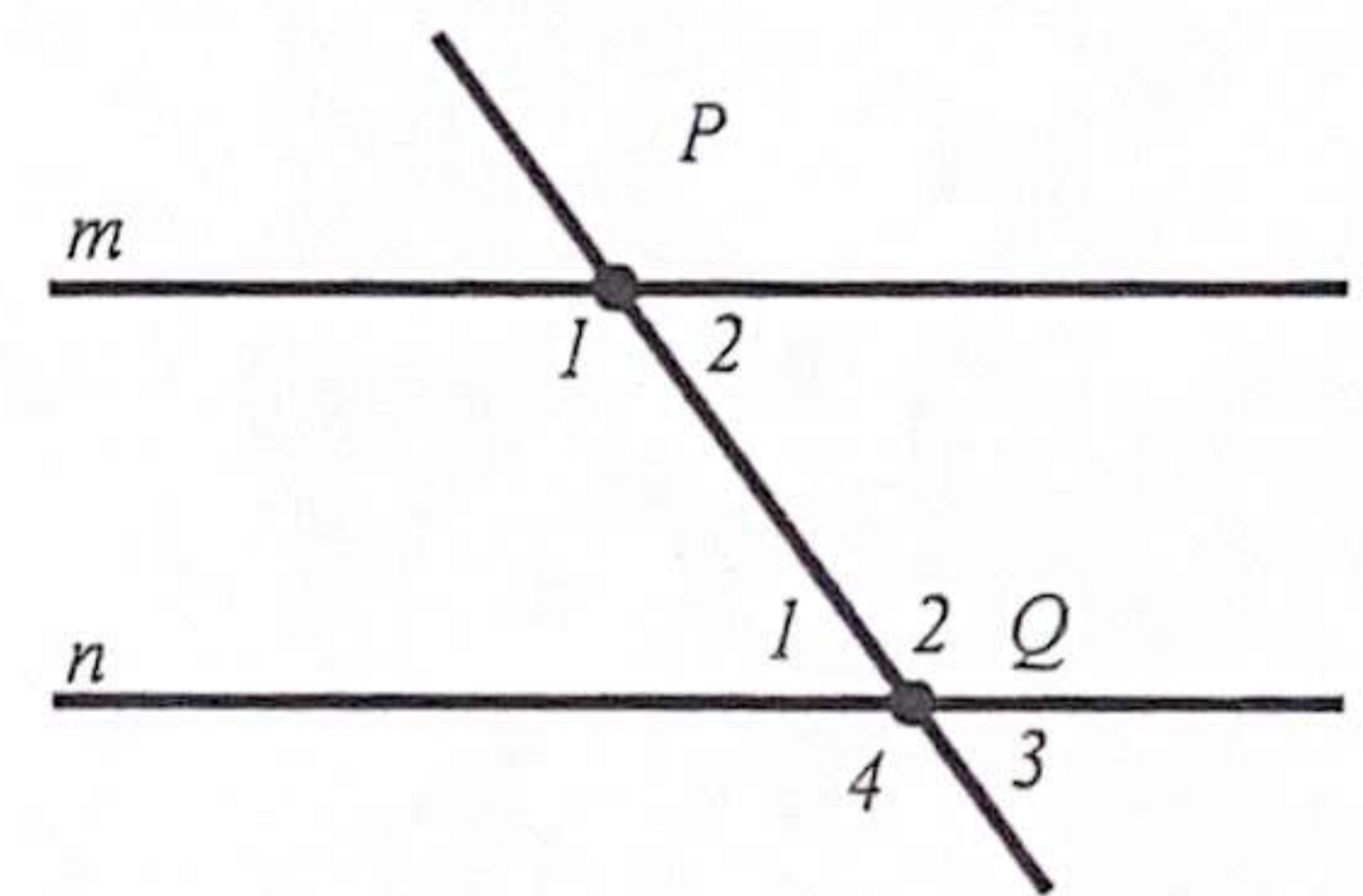
Câu 4. Cho hình vẽ sau (Hình 2.). Biết $m \parallel n$, ta suy ra được.

A. $\widehat{P}_1 = \widehat{Q}_1$ vì hai góc đồng vị.

B. $\widehat{P}_2 = \widehat{Q}_2$ vì hai góc so le trong.

C. $\widehat{P}_1 = \widehat{Q}_3$ vì hai góc so le trong.

D. $\widehat{P}_1 = \widehat{Q}_4$ vì hai góc đồng vị.



(Hình 2.)

II. PHẦN TỰ LUẬN: (9,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

a) Tìm giá trị tuyệt đối của các số sau: $\frac{-2}{3}$; 0,15

b) Tìm số đối của các số sau: $\sqrt{21}$; -3,75

c) Giá niêm yết của một chai nước hoa trên TikTok shop là 39,99 USD. Hãy đổi giá niêm yết của một chai nước hoa sang tiền Việt Nam đồng làm tròn kết quả đến hàng nghìn. (Biết 1 USD \approx 26 300 đồng).

Bài 2. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{7}{15} - \frac{5}{8} + \frac{1}{12}$

b) $\frac{-1}{7} + \frac{6}{49} \cdot \frac{7}{8}$

c) $\left(\frac{5}{6} - \frac{3}{4}\right) \cdot \sqrt{\frac{9}{25}} + \left(\frac{-2}{5}\right)^2 : \left|\frac{-8}{15}\right|$

Bài 3. (1,5 điểm) Tìm x, biết:

a) $\frac{-4}{15}x + \frac{1}{3} = 2\frac{1}{5}$

b) $\left| \frac{8}{9} - x \right| = \frac{3}{7}$

Bài 4. (1,0 điểm) Siêu thị điện máy Chợ Lớn đã nhập về 600 cái nồi cơm điện hiệu Toshiba với giá 1,5 triệu đồng một cái. Siêu thị đã bán 430 cái với giá 2,3 triệu đồng mỗi cái. Sau đó siêu thị giảm giá để bán hết số còn lại.

a) Tính số tiền siêu thị thu về sau khi bán được 430 cái nồi cơm điện hiệu Toshiba với giá 2,3 triệu đồng mỗi cái?

b) Siêu thị cần bán mỗi cái nồi cơm điện còn lại với giá bao nhiêu để có lợi nhuận đạt tỉ lệ 25%?

Bài 5. (1,0 điểm) Một căn phòng có dạng hình hộp chữ nhật. Biết chiều dài 6,4m, chiều rộng 4,5m, cao 3,2m.

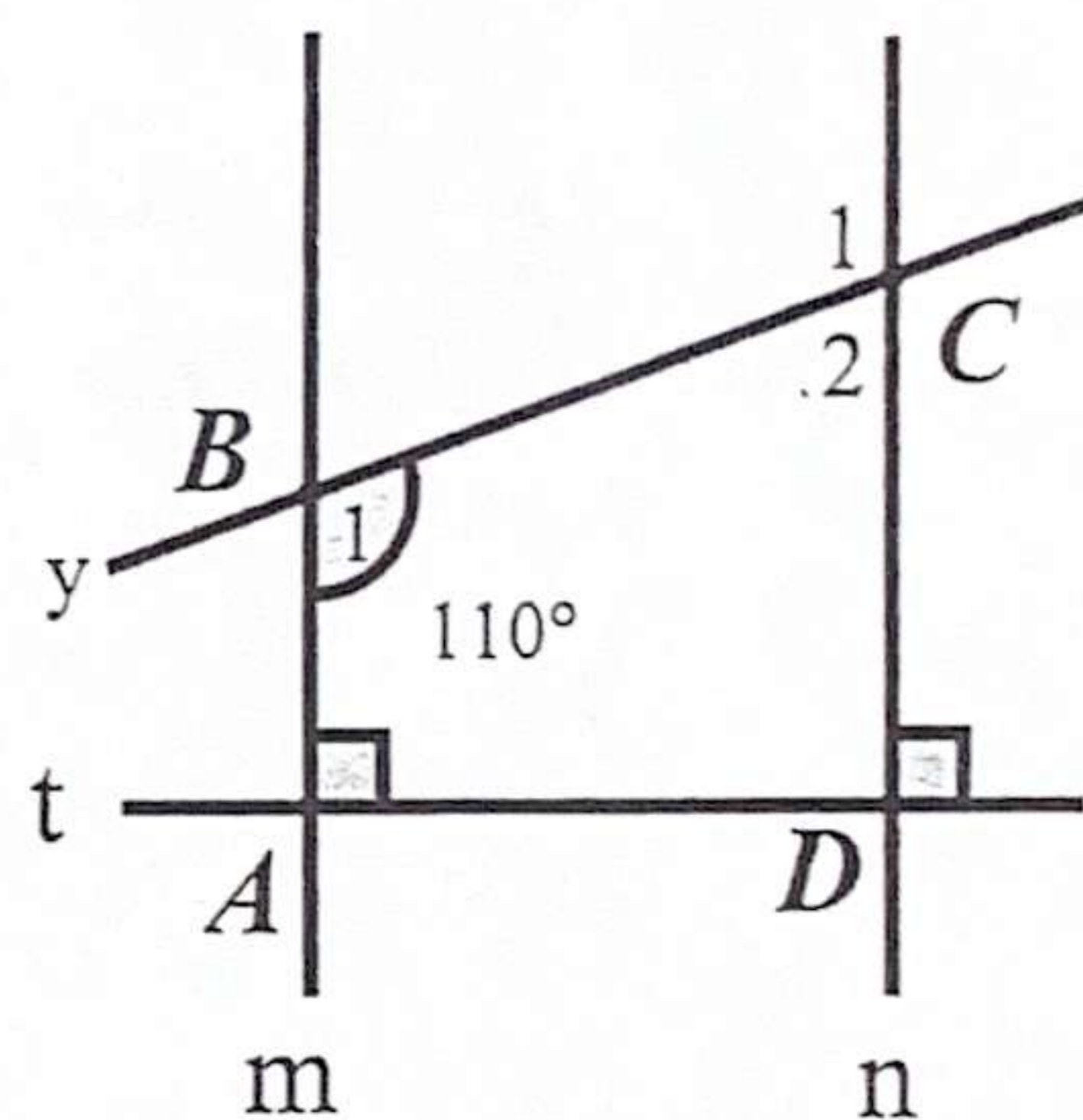
a) Tính thể tích căn phòng này?

b) Người ta cần sơn tường và trần nhà bên trong của căn phòng. Tính diện tích cần sơn. Biết tổng diện tích cửa ra vào và cửa sổ là $4,2m^2$.

Bài 6. (1,5 điểm) Cho hình vẽ sau: (Hình 3.)

a) Chứng minh: $m \parallel n$

b) Biết $\widehat{B}_1 = 110^\circ$. Tính $\widehat{C}_1, \widehat{C}_2$?



(Hình 3.)

Bài 7. (0,5 điểm) Tìm hiểu về sở thích của các bạn học sinh lớp 7A với bộ môn bóng rổ được cho bởi bảng thống kê sau:

Sở thích	Số bạn
Không thích	3
Thích	15
Rất thích	27

Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

Hết

(Học sinh nộp lại đề sau khi hết thời gian làm bài)

Họ tên học sinh:

Số báo danh:..... Phòng: Lớp:



I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (1,0 điểm)

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
C	A	B	D

II. PHẦN TỰ LUẬN: (9,0 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	a) $\frac{2}{3}; 0,15$ b) Số đối của $\sqrt{21}$ là $-\sqrt{21}$, số đối của $-3,75$ là $3,75$ c) Giá niêm yết của một chai nước hoa đổi sang tiền Việt Nam đồng và làm tròn đến hàng nghìn là: $39,99.26\ 300 = 1\ 051\ 737$ (đồng) ≈ 1052000 (đồng)	0,25đ x 2 0,25đ x 2 0,25đ x 2
Bài 2 (2,0 điểm)	a) $\frac{7}{15} - \frac{5}{8} + \frac{1}{12}$ $= \frac{-19}{120} + \frac{1}{12}$ $= \frac{-3}{40}$ b) $\frac{-1}{7} + \frac{6}{49} \cdot \frac{7}{8}$ $= \frac{-1}{7} + \frac{3}{28}$ $= \frac{-1}{28}$ c) $\left(\frac{5}{6} - \frac{3}{4}\right) \cdot \sqrt{\frac{9}{25}} + \left(\frac{-2}{5}\right)^2 : \left \frac{-8}{15}\right $ $= \frac{1}{12} \cdot \frac{3}{5} + \frac{4}{25} : \frac{8}{15}$ $= \frac{1}{20} + \frac{3}{10}$ $= \frac{7}{20}$	0,25đ x 2 0,25đ x 2 0,25đ x 2 0,25đ 0,25đ
Bài 3 (1,5 điểm)	a) $\frac{-4}{15}x + \frac{1}{3} = 2\frac{1}{5}$ $\frac{-4}{15}x = \frac{11}{5} - \frac{1}{3}$	0,25đ

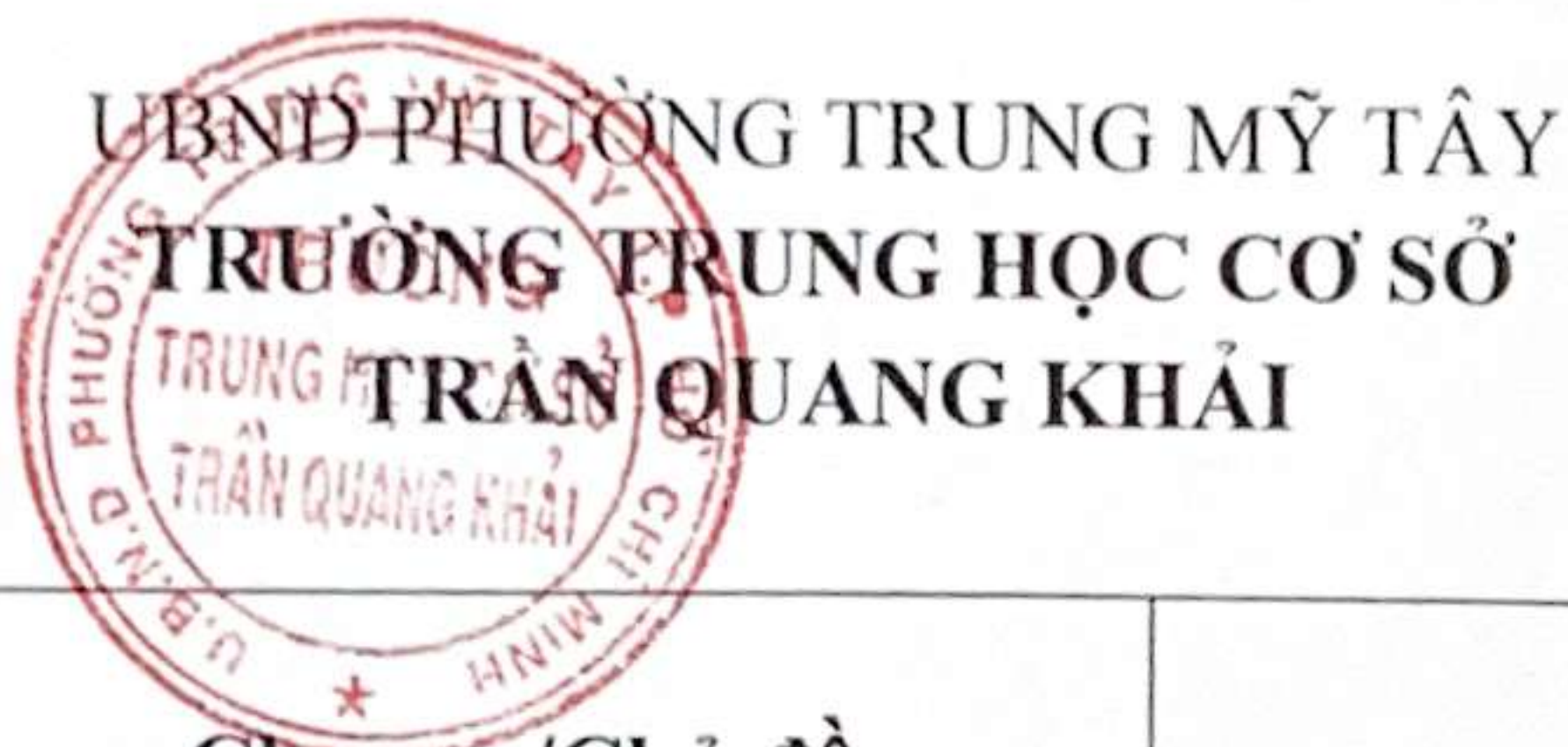
	$\frac{-4}{15}x = \frac{28}{15}$ $x = \frac{28}{15} : \frac{-4}{15}$ $x = -7$	0,25đ
	$b) \left \frac{8}{9} - x \right = \frac{3}{7}$	0,25đ
	$\frac{8}{9} - x = \frac{3}{7} \text{ hay } \frac{8}{9} - x = \frac{-3}{7}$	0,25đ
	$x = \frac{8}{9} - \frac{3}{7} \text{ hay } x = \frac{8}{9} - \frac{-3}{7}$	0,25đ
	$x = \frac{29}{63} \text{ hay } x = \frac{83}{63}$	0,25đ
Bài 4 (1,0 điểm)	<p>a) Số tiền thu được khi bán 430 cái nồi cơm điện hiệu Toshiba là: $430 \cdot 2,3 = 989$ (triệu đồng)</p> <p>b) Số tiền cần thu về sau khi bán hết 600 cái nồi cơm điện hiệu Toshiba để có lợi nhuận đạt 25% là: $600 \cdot 1,5 \cdot (1 + 25\%) = 1125$ (triệu đồng)</p> <p>Giá bán 1 cái nồi cơm điện hiệu Toshiba còn lại là: $(1125 - 989) : (600 - 430) = 0,8$ (triệu đồng)</p>	0,25đ x 2 0,25đ 0,25đ
Bài 5 (1,0 điểm)	<p>a) Thể tích căn phòng dạng hình hộp chữ nhật là: $6,4 \cdot 4,5 \cdot 3,2 = 92,16$ (m³)</p> <p>b) Diện tích xung quanh căn phòng là: $(6,4 + 4,5) \cdot 2 \cdot 3,2 = 69,76$ (m²)</p> <p>Diện tích cần sơn là: $(69,76 + 6,4 \cdot 4,5) - 4,2 = 94,36$ (m²)</p>	0,25đ x 2 0,25đ 0,25đ
Bài 6 (1,5 điểm)	<p>a) Ta có: $\begin{cases} m \perp t \\ n \perp t \end{cases}$</p> <p>Nên $m \parallel n$</p> <p>b) Vì $m \parallel n$</p> <p>Nên $\widehat{C}_1 = \widehat{B}_1 = 110^\circ$ (hai góc so le trong)</p> <p>Vậy $\widehat{C}_1 = 110^\circ$</p> <p>Ta có: $\widehat{C}_1 + \widehat{C}_2 = 180^\circ$ (hai góc kề bù)</p> $\widehat{C}_2 = 180^\circ - 110^\circ = 70^\circ$	0,25đ 0,25đ 0,5đ 0,25đ 0,25đ
Bài 7 (0,5 điểm)	<p>Dữ liệu trong bảng thống kê dựa trên tiêu chí định tính là: không thích, thích, rất thích.</p> <p>Dữ liệu trong bảng thống kê dựa trên tiêu chí định lượng là: 3; 15; 27.</p>	0,25đ 0,25đ

*Lưu ý: Học sinh làm cách khác đúng vẫn được điểm tối đa.

Hết

5	Một số yếu tố thống kê (Phân tích và xử lý dữ liệu)	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước				TL7a 0,5đ				0,5đ 5%
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ								
Tổng: Số câu			2	4	2	5		3	3	19
Điểm			0,5	2,0	0,5	4,0		1,5	1,5	10,0
Tỉ lệ %			25%		45%		15%		15%	
Tỉ lệ chung			70%				30%			100%

TTCM



BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn: Toán 7

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Mức độ đánh giá			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ	Nhận biết: – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. Thông hiểu: – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số. Vận dụng: – So sánh được hai số hữu tỉ.				
		Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...). Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.		1TL (TL3a)	2TL (TL4a,b)	
2	Số thực	Nội dung 1: Căn bậc hai số học Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.		1TN		

			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay. 		(TN2)		
		<p>Nội dung 2: Số vô tỉ. Số thực</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. Nhận biết được số đối của một số thực. Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước. 	<p>1TN (TN1) 4TL (TL1a, b,2a,b)</p>	<p>2TL (TL2c, 3b)</p>	<p>1TL (TL1c)</p>	
3	Các hình khối trong thực tiễn	<p>Nội dung 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương</p>	<p>Nhận biết</p> <p>Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.</p> <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...). 				
		<p>Nội dung 2: Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác</p>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...). <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...). 			<p>1TL (TL 5a)</p>	<p>1TL (TL 5b)</p>

			Vận dụng Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.				
4	Các hình học cơ bản	Nội dung 1: <i>Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc</i>	Nhận biết: – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). – Nhận biết được tia phân giác của một góc. – Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập	1TN (TN3)			
		Nội dung 2: <i>Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song (Không có quan hệ giữa vuông góc và song song),</i>	Nhận biết: – Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.	1TN (TN4) 1TL (TL6b)	1TL (TL6a)		
		Nội dung 3: <i>Khái niệm định lí, chứng minh một định lí</i>	Nhận biết: – Nhận biết được thế nào là một định lí. Thông hiểu: – Hiểu được phần chứng minh của một định lí; Vận dụng: – Chứng minh được một định lí;				
5	Một số yếu tố thống kê (Phân tích và xử lí dữ liệu)	Nội dung 1: <i>Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước</i>	Thông hiểu: – Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...) Vận dụng: – Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.				
		Nội dung 2: <i>Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ</i>	Nhận biết: – Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. Thông hiểu: – Đọc và mô tả được các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê: biểu đồ hình quạt tròn (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>).	1TL (TL7)			

			Vận dụng: – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>).					
			Tổng số câu	6	7	3	3	
			Tỉ lệ %	25%	45%	15%	15%	
			Tỉ lệ chung	70%		30%		

TTCM